

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 20/4/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”

và “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Minh Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý

2. Bà Nguyễn Võ Phương Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Việt Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc - tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 15/2021/TLST-DS ngày 04/10/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*” và “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 24/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ph M Tr, sinh năm: 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Qu Th 3, xã Ph M, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Bà L Th Th L, sinh năm: 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Ấ Đ, xã L H, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Số 43/205 Tr Ch, phường V H, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Người làm chứng: Bà Ng Th Th D, sinh năm: 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Số 184/2 L D, phường Ph M, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Ph M Tr trình bày: Ông và bà L Th Th L có mối quan hệ làm ăn buôn bán từ tháng 6/2020 đến tháng 8/2020, ông cung cấp nước đá viên cho bà L. Cụ thể tháng 6/2020, bà L đã thanh toán cho ông số tiền 10.279.000 đồng. Tháng 7/2020, bà L đã thanh toán cho ông số tiền 12.160.000 đồng. Tháng 8/2020 tiền đá là 12.426.000 đồng, bà L chỉ thanh toán 9.500.000 đồng. Còn nợ lại 2.926.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Ông yêu cầu bà L phải thanh toán cho ông số tiền 2.926.000 đồng tiền đá viên còn thiếu này.

Ngày 02/7/2020, ông có cho bà L vay số tiền 20.000.000 đồng. Khi đó hai bên chỉ liên lạc qua điện thoại và chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng Viettin bank theo số tài khoản 104871024486 đứng tên bà L. Khi vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 9%/tháng. Sau khi vay bà L có trả tiền mặt 02 lần tổng cộng 3.600.000 đồng. 02 lần trả tiền mặt cho vợ ông tên Ng Th Th D tổng cộng 3.600.000 đồng. 01 lần chuyển khoản cho ông số tiền 1.800.000 đồng. Những lần trả tiền trên là bà L trả tiền lãi hàng tháng, ngoài ra bà L chưa trả tiền nợ gốc từ thời điểm vay đến nay. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả cho ông số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và số tiền nợ lãi từ tháng 01/2021 đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa ông không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nợ vay nói trên.

Bị đơn bà L Th Th L trình bày: Bà xác nhận thời gian trước đây bà có mua nước đá viên của ông Tr để bỏ vào hệ thống bách hoá xanh. Hai bên làm ăn với nhau được 03 tháng (từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020) thì chấm dứt vì lý do nước đá viên của ông Tr không đảm bảo chất lượng. Sau khi chấm dứt làm ăn bà đã thanh toán xong tiền nước đá viên cho ông Tr. Cụ thể tiền đá tháng 5/2020 là 2.317.000 đồng, tháng 6/2020 là 10.279.000 đồng, tiền đá tháng 7/2020 là 12.160.000 đồng. Vì vậy, bà không đồng ý trả cho ông Tr số tiền 2.926.000 đồng nước đá viên còn thiếu.

Ngày 02/7/2020, bà có hỏi mượn ông Tr số tiền 20.000.000 đồng. Khi mượn hai bên chỉ trao đổi qua điện thoại chứ không làm giấy tờ. Sau đó ông Tr chuyển 20.000.000 đồng cho bà qua tài khoản 104871024486 của ngân hàng Viettin bank đứng tên bà. Khi mượn tiền hai bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền, không thỏa thuận về lãi suất. Trước đó ông Tr có mượn bà 4.028.000 đồng. Bà còn nợ lại gần 16.000.000 đồng. Lần thứ nhất bà trả trực tiếp cho vợ ông Tr 3.500.000 đồng. Lần thứ hai vào ngày 16/11/2020 trả qua tài khoản ngân hàng Viettin Bank 9.500.000 đồng. Lần thứ ba ngày 06/12/2020 trả qua tài khoản ngân hàng Viettin Bank 1.800.000 đồng. Nợ lại 1.200.000 đồng chưa trả. Ngoài ra, tuy hai bên không thỏa thuận tiền lãi nhưng ông Tr yêu cầu bà trả tiền lãi mỗi tháng 1.800.000 đồng. Sau đó bà trả cho ông Tr 3 tháng (tháng 8 – 10) tiền lãi 5.400.000 đồng (1.800.000 đồng x 3). Đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Tr yêu cầu bà trả 20.000.000 đồng nợ gốc. Và số tiền nợ 2.926.000 đồng nước đá viên. Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ph M Tr.

Người làm chứng bà Ng Th Th D trình bày: Bà biết chồng bà là ông Ph M Tr có làm ăn buôn bán với bà L. Bà nghe ông Tr nói có cho bà L vay 20.000.000 đồng, lãi mỗi tháng 1.800.000 đồng. Bà không nhớ thời gian lúc nào, bà L có đến nhà đưa cho bà 2 lần tiền, mỗi lần 1.800.000 đồng. Sau đó bà có hỏi chồng bà mới biết bà L trả tiền lãi của số tiền 20.000.000 đồng. Ngoài ra bà không biết nội dung gì khác.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi suất; bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc thể hiện:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà L phải trả cho ông Tr số tiền 3.160.000 đồng.

- Về án phí và các chi phí tố tụng khác khác: Đề nghị HĐXX buộc các đương sự phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán 2.926.000 đồng tiền nước đá viên còn thiếu và trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng. Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự. HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”* *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Đương sự có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại huyện Thuận Bắc. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

[1.1] Tại phiên tòa ông Ph M Tr rút yêu cầu tính số tiền nợ lãi từ tháng 01/2021 đến khi giải quyết xong vụ án. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên HĐXX căn cứ Điều 217, Điều 218 và Điều 219 của BLTTDS, đình chỉ xét đối với yêu cầu tính tiền lãi suất này.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Ph M Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán 2.926.000 đồng tiền nước đá viên còn thiếu và trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng.

[2.1] Đối với 2.926.000 đồng tiền nợ nước đá viên: Nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận miệng với bị đơn về việc cung cấp nước đá viên từ tháng 6/2020 đến tháng 8/2020. Bị đơn đã thanh toán tiền đá tháng 6/2020 là 10.279.000 đồng, tiền đá tháng 7/2020 là 12.160.000 đồng. Tiền đá tháng 8/2020 là 12.426.000 đồng, bị đơn chỉ thanh toán 9.500.000 đồng. Còn nợ lại 2.926.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán. Bị đơn xác nhận có thỏa thuận mua bán đá với nguyên đơn từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020 và đã thanh toán xong cho nguyên đơn. Cụ thể tiền đá tháng 5/2020 là 2.317.000 đồng, tháng 6/2020 là 10.279.000 đồng, tiền đá tháng 7/2020 là 12.160.000 đồng. HĐXX nhận thấy: Căn cứ vào sao kê chi tiết giao dịch do nguyên đơn cung cấp (BL 10 - 14), và sao kê chi tiết giao dịch do bị đơn cung cấp (BL 60 – 66) đều có thể hiện việc nguyên đơn và bị đơn chuyển tiền đá tháng 6/2020 và tháng 7/2020. Nguyên đơn cho rằng tháng 8/2020 vẫn còn làm ăn mua bán nước đá viên với bị đơn với số tiền là 12.426.000 đồng, bị đơn chỉ thanh toán 9.500.000 đồng. Còn nợ lại 2.926.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán. Tuy nhiên bị đơn không thừa nhận hai bên có mua bán nước đá viên tháng 8/2020. Tại mục số 43 của BL 65 có nội dung: *“...ngày 01/6/2020 bà L đã chuyển cho ông Tr tiền đá 2.317.000 đồng...”*. Các đương sự xác định đây là tiền nước đá viên tháng 5/2020. Như vậy có thể xác định thời gian ông Tr và bà L thỏa

thuận cung cấp nước đá viên là từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020. Do đó ông Tr yêu cầu bà L phải thanh toán 2.926.000 đồng tiền nợ nước đá viên còn nợ của tháng 8/2020 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc 20.000.000 đồng: Nguyên đơn xác định vào ngày 02/7/2020 có chuyển cho bị đơn 20.000.000 đồng qua số tài khoản của bị đơn. Hai bên thoả thuận qua điện thoại không làm văn bản. Nguyên đơn cho rằng có thoả thuận lãi suất 9%/tháng. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn 5 tháng tiền lãi. Mỗi tháng 1.800.000 đồng. Sau đó bị đơn không trả nợ gốc và lãi cho đến nay. Bị đơn cho rằng chỉ hỏi mượn tiền nguyên đơn để làm ăn, không thoả thuận lãi suất. Sau đó nguyên đơn nói lãi suất 9%/tháng, vì do đã mượn tiền nên bị đơn vẫn chấp nhận trả lãi. Trước đó bị đơn cho ông Tr mượn 4.028.000 đồng. Như vậy bà chỉ còn nợ ông Tr gần 16.000.000 đồng. Lần thứ nhất bà trả trực tiếp cho vợ ông Tr 3.500.000 đồng. Lần thứ hai vào ngày 16/11/2020 trả qua tài khoản ngân hàng Viettin Bank 9.500.000 đồng. Lần thứ ba ngày 06/12/2020 trả qua tài khoản ngân hàng Viettin Bank 1.800.000 đồng. Nợ lại 1.200.000 đồng. HĐXX nhận thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận có việc vay 20.000.000 đồng. Hai bên chỉ thoả thuận qua điện thoại, không làm hợp đồng. Vì vậy có thể xác định bị đơn có vay nguyên đơn 20.000.000 đồng. Do hai bên chỉ thoả thuận qua điện thoại, không làm hợp đồng nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không xác định kỳ hạn thanh toán, không lãi suất. Tuy nhiên, khi hai bên thực hiện có thoả thuận lãi suất 9%/tháng tương đương mức lãi suất 108%/năm. Do các bên thoả thuận lãi suất vượt quá 20%/năm. Thoả thuận này là trái quy định tại Điều 468 của BLDS. Vì vậy, HĐXX quyết định điều chỉnh lại mức lãi suất theo khoản 1 Điều 468 của BLDS là 20%/năm = 1,66%/tháng, tương đương 20.000.000 đồng x (1,66%/tháng x 5 tháng) = 1.660.000 đồng. Nguyên đơn xác định có nhận của bị đơn 5 tháng tiền lãi với tổng số tiền 9.000.000 đồng. HĐXX căn cứ vào Điều 463, Điều 468 của BLDS chuyển số tiền lãi vượt quá quy định (9.000.000 đồng – 1.660.000 đồng = 7.340.000 đồng) nguyên đơn đã nhận khấu trừ vào tiền nợ gốc bị đơn đã vay (20.000.000 đồng – 7.340.000 đồng = 12.660.000 đồng). Bị đơn cho rằng trước đó nguyên đơn có nợ bị đơn 4.028.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung trình bày trên nên HĐXX không có cơ sở cho rằng bị đơn có cho nguyên đơn mượn 4.028.000 đồng. Đối với số tiền 9.500.000 đồng nguyên đơn cho rằng bị đơn thanh toán tiền đá tháng 8/2020 nhưng không chứng minh được hai bên có thoả thuận cung cấp nước đá viên tháng 8/2020. Do đó HĐXX xác định số tiền 9.500.000 đồng là tiền bị đơn trả nợ vào khoản vay 20.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 12.660.000 đồng – 9.500.000 đồng = 3.160.000 đồng. Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên; HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Bị đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 217, Điều 218, Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu tính tiền lãi từ tháng 01/2021 đến khi giải quyết xong vụ án của nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 2.926.000 đồng tiền nợ nước đã viên.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 3.160.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Ông Ph M Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng khấu trừ vào số tiền 574.000 đồng tạm ứng án phí ông Tr đã nộp theo biên lai thu số 0000107 ngày 04/10/2021. Ông Tr đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Tr 274.000 đồng.

Bà L T Th L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thuận Bắc;
- Chi Cục THA huyện Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Minh Đăng

